

TRANG BỊ KỸ NĂNG HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CHO SINH VIÊN - SỰ CẦN THIẾT VÀ NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Ngô Thị Huyền

Trường Đại học Lạc Hồng, số 10 Huỳnh Văn Nghệ, Bàu Long, Biên Hòa, Đồng Nai
Bộ môn cơ bản – Phòng Đào tạo, Trường Đại học Lạc Hồng

Tác giả liên hệ: huyenngo@lhu.edu.vn

THÔNG TIN BÀI BÁO

Ngày nhận: 30/7/2025
Ngày hoàn thiện: 7/8/2025
Ngày chấp nhận: 1/9/2025
Ngày đăng: 15/9/2025

TỪ KHÓA

Học tập suốt đời;
Giáo dục mở;
Tài nguyên giáo dục mở;
Năng lực học và tự học.

TÓM TẮT

Học tập suốt đời (Lifelong learning) là thuật ngữ được sử dụng rất phổ biến trong thời gian gần đây. Theo đó, học tập suốt đời là hình thức học tập hướng đến mục tiêu tạo cơ hội cho mỗi cá nhân được trang bị kiến thức, kỹ năng và hình thành thái độ cần thiết để thích ứng kịp thời với sự phát triển nhanh chóng của khoa học và công nghệ. Hiện nay, ở nhiều trường đại học, học tập suốt đời được xác định là kỹ năng quan trọng mà người học cần phải đạt được trước khi gia nhập thị trường lao động. Trên cơ sở phân tích, làm rõ sự cần thiết phải trang bị kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên, bài viết này khuyến nghị một số giải pháp nhằm trang bị kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên tại các trường đại học.

EQUIPPING STUDENTS WITH LIFELONG LEARNING SKILLS - NECESSITIES AND KEY SOLUTIONS

Ngo Thi Huyen

Lac Hong University, No 10 Huynh Van Nghe, Bien Hoa, Dong Nai
Corresponding Author: huyenngo@lhu.edu.vn

ARTICLE INFO

Received: Jul 30th, 2025
Revised: Aug 7th, 2025
Accepted: Sep 1st, 2025
Published: Sep 15th, 2025

KEYWORDS

Lifelong learning;
Open education;
Open Educational Resources;
Learning capacity and self-learning.

ABSTRACT

Lifelong learning is a widely used term in recent times. It refers to a form of learning that aims to provide individuals with opportunities to acquire knowledge, skills, and attitudes necessary to adapt timely to the rapid development of science and technology. Currently, at many universities, lifelong learning is identified as an important skill that learners need to achieve before entering the labor market. Based on the analysis and clarification of the necessity to equip students with lifelong learning skills, this article recommends some solutions to equip students at universities with lifelong learning skills.

Available online at: <https://js.lhu.edu.vn/index.php/lachong>

1. GIỚI THIỆU

Trong bối cảnh hiện nay, sự tác động của cuộc cách mạng 4.0 đòi hỏi người lao động cần nhiều kỹ năng hơn ngoài kỹ năng chuyên môn để thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của sản xuất và đời sống. Trong báo cáo “*OECD Economic Surveys: Viet Nam 2023*”, OECD nhấn mạnh rằng “kỹ năng mềm trở nên quan trọng hơn. Kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng phân tích và một loạt các kỹ năng bổ trợ như giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo và phản biện, kỹ năng giao tiếp và năng lực học hỏi liên tục mạnh mẽ [1; tr.107]. Trong tài liệu “*Đổi mới động lực tăng trưởng năng suất ở Việt Nam - Vai trò của các thể chế và chính sách thị trường lao động*” (2023), ILO dự báo rằng “Với việc chuyển đổi sang mô hình phát triển dựa trên nền sản xuất thâm dụng công nghệ và tri thức nhiều hơn, các yêu cầu về kỹ năng cũng như học tập suốt đời có thể sẽ tăng lên đáng kể” [2; tr.13]. Báo cáo “*The Future of Jobs 2025*” của Diễn đàn Kinh tế Thế giới (WEF) dự báo, các doanh nghiệp sẽ phải đối mặt với nhu cầu đào tạo lại và nâng cao kỹ năng cho người lao động, đặc biệt là khi khoảng cách kỹ năng giữa các công việc đang tăng lên. Theo đó, khoảng 59% lực lượng lao động toàn cầu sẽ cần được đào tạo lại hoặc nâng cao kỹ năng trong giai đoạn này để phù hợp với các công việc mới và yêu cầu kỹ năng thay đổi. Báo cáo này cũng thống kê các kỹ năng cốt lõi mà doanh nghiệp yêu cầu ở lực lượng lao động của họ, trong đó, sự tò mò và học tập suốt đời là một trong 10 kỹ năng cốt lõi đó [3; tr.35]. Như vậy, học tập suốt đời không chỉ là một lựa chọn mà còn là một yêu cầu bắt buộc để người lao động có vị trí trong bức tranh việc làm trong những năm tới.

Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và khuyến khích học tập suốt đời [4]. Các trường đại học cũng đang tích cực đổi mới chương trình đào tạo, tích hợp các kỹ năng mềm vào các môn học và tạo điều kiện cho sinh viên tham gia các hoạt động ngoại khóa để rèn luyện các kỹ năng thực tế. Tuy nhiên, để đạt được hiệu quả như mong đợi, đảm bảo người học tham gia một cách hiệu quả vào thị trường lao động trong và ngoài nước, việc trang bị kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên là việc làm cần thiết ở các trường đại học hiện nay.

2. NỘI DUNG

2.1 Tổng quan về học tập suốt đời

Học tập suốt đời không phải là một thuật ngữ mới mà đã được nêu ra từ những năm 70 của thế kỷ trước. Tuy nhiên, cho đến nay, chưa có một định nghĩa chung, đầy đủ nào về học tập suốt đời, vì tùy thuộc vào từng hoàn cảnh cụ thể, nó tùy thuộc vào nhu cầu và mục đích học tập của từng cá nhân người học. Học tập suốt đời được xem là nhu cầu tất yếu của mỗi cá nhân trong xã hội và trong chừng mực nhất định gần như không có hồi kết mà bất cứ người nào cũng nên học: Mọi lúc, mọi nơi, dưới mọi hình thức và với bất cứ phương tiện gì.

Dinevski (2008) nhận định: Học tập suốt đời chính là câu trả lời cho việc giải quyết các thách thức của toàn cầu hoá, các công nghệ kỹ thuật mới và sự phát triển của dân số [5; tr.117].

Hội đồng Liên minh châu Âu (2010) đưa ra định nghĩa: Học tập suốt đời và tính năng động được cung cấp bởi hoạt động đào tạo và giáo dục chất lượng cao là rất cần thiết để cho phép tất cả các cá nhân có được các kỹ năng liên quan không chỉ đáp ứng cho thị trường lao động mà còn cho hoà nhập xã hội và thực hiện quyền công dân chủ động [6; tr.7].

Báo cáo của Cộng đồng châu Âu (2007) nhấn mạnh: Học tập suốt đời là khả năng theo đuổi và kiên trì trong học tập để tổ chức việc học tập cho chính cá nhân người học, kể cả thông qua việc quản lý hiệu quả thời gian và thông tin ở cá nhân và trong nhóm [7; tr.8]. Báo cáo này cũng đưa ra tám năng lực chủ chốt để hỗ trợ cho việc học tập suốt đời, gồm: 1. Năng lực đọc viết/giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ; 2. Giao tiếp bằng ngoại ngữ; 3. Năng lực toán học và khoa học, công nghệ cơ bản; 4. Năng lực số hóa (digital competence); 5. Học cách học; 6. Năng lực xã hội và công dân; 7. Ý thức sáng tạo và kinh doanh; 8. Ý thức văn hóa. Ba năng lực đầu chính là các nền tảng cụ thể, có thể đo lường được. Năng lực cuối cùng chính là nền tảng chung, có thể được lĩnh hội và vận dụng thông qua văn hoá và hoàn cảnh khác nhau.

Có thể thấy, học tập suốt đời là chủ đề được bàn luận và thu hút sự quan tâm trong chính sách phát triển giáo dục ở châu Âu, trong đó họ chú trọng ba yếu tố là kiến thức, kỹ năng và năng lực của từng cá nhân để thúc đẩy sự phổ biến của học tập suốt đời, từ đó để tạo ra một xã hội học tập đúng nghĩa.

Như vậy, có thể nói, học tập suốt đời là một quá trình học tập liên tục, có chủ đích trong suốt cuộc đời của một cá nhân từ khi chào đời đến lúc rời xa cuộc sống, theo các phương thức khác nhau, để hình thành các kỹ năng cần thiết, có thể làm việc và phát triển bản thân trong nhiều bối cảnh. Học tập suốt đời diễn ra trong nhiều không gian khác nhau, không chỉ ở trường, mà còn ở nhà, tại nơi làm việc, thậm chí trong các hoạt động giải trí. Học tập suốt đời là việc liên tục, tự nguyện, và tự động viên theo đuổi kiến thức, vì sự phát triển cá nhân hoặc sự nghiệp.

2.2 Sự cần thiết phải trang bị kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất coi trọng việc tự học. Người đã từng nhấn mạnh rằng, “nếu không chịu khó học thì không tiến bộ được. Không tiến bộ là thoái bộ. Xã hội càng đi tới, công việc càng nhiều, máy móc càng tinh xảo. Mình mà không chịu học thì lạc hậu, mà lạc hậu là bị đào thải, tự mình đào thải mình”. “Học hành là vô cùng. Học càng nhiều, biết càng nhiều càng tốt”. Vì thế, mỗi người, nhất là người cán bộ, đảng viên nếu không muốn mình trở thành thoái bộ, lạc hậu, thì còn sống còn phải học và “muốn học tập có kết quả tốt thì phải có thái độ đúng và phương pháp đúng... Phương châm, phương pháp học tập là lý luận liên hệ với thực tế” [8]. Bản thân Người là tấm gương sáng mẫu mực về tinh thần học, tự học và học suốt đời để làm giàu tri thức, nâng cao trình độ mọi mặt của mình. Học và tự học ở Người là một khoa học vừa có kế hoạch cụ thể, chặt chẽ, vừa là một nghệ thuật trên tinh thần học thường xuyên, suốt đời để vừa học, vừa hoạt động cách mạng, phục vụ cách mạng, phụng sự Tổ quốc và Nhân dân.

Đại hội XIII của Đảng (2021) đã xác định: “Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao, trọng tâm là hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hội nhập quốc tế sâu rộng”. Một trong các nhiệm vụ được Đại hội XIII nhấn mạnh là: “Đa dạng hóa các loại hình đào tạo, thúc đẩy xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời”[9].

Thúc đẩy học tập suốt đời đã trở thành hướng đi tất yếu của các quốc gia để đảm bảo một sự phát triển thịnh vượng, nhân văn và bền vững trong bối cảnh hiện nay. Ở các trường đại học, trang bị kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên là việc làm tất yếu, xuất phát từ những lý do sau đây:

Thứ nhất, xuất phát từ bản chất của giáo dục đại học. Nhiệm vụ trọng tâm của giáo dục đại học là trang bị cho người học những năng lực có tính nền tảng về chuyên môn và các kỹ năng để làm việc và phát triển trong tương lai, là tạo ra những con người chủ động học tập và có kỹ năng học và tự học. Là một tổ chức học tập trình độ cao, trường đại học là một thực thể quan trọng trong việc phát triển các năng lực học tập suốt đời. Bốn năng lực thực hiện mà trường đại học có ưu thế trong đào tạo cho người học lớn tuổi đó là năng lực học và tự học, năng lực hành động chủ thể, kỹ năng thông tin và kỹ năng sáng tạo [10].

Thứ hai, xuất phát từ yêu cầu cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ Tư và sự phát triển nói chung. Cốt lõi của cuộc cách mạng này là sử dụng thông tin hóa và trí thông minh nhân tạo, hay ngắn gọn là thông minh hóa để làm cho mọi thứ hiệu quả hơn. Cũng như các cuộc cách mạng công nghiệp trước đây, cách mạng 4.0 đã làm mất đi một số nghề nhưng lại tạo ra nhiều nghề mới. Đó là bài toán cấp bách trong thời điểm hiện nay bởi cách mạng 4.0 mang lại cơ hội mới, nhưng lại đào thải mạnh mẽ những ngành nghề tụt hậu, không bắt kịp xu hướng của xã hội. Trong bối cảnh đó, mỗi cá nhân muốn tồn tại và phát triển cần có cơ hội và khả năng học tập liên tục để thu nhận thông tin, tiếp thu, xử lý và tạo lập, sử dụng, làm chủ tri thức để trở thành những công dân có hiểu biết rộng trong cuộc sống và trong lao động nghề nghiệp. Trang bị kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên là chuẩn bị cho họ những công việc và công nghệ chưa tồn tại để giải quyết những vấn đề mà thế giới hiện tại thậm chí còn chưa biết đó là những vấn đề nào.

Thứ ba, xuất phát từ thực trạng kỹ năng học tập suốt đời của sinh viên các trường đại học tại Việt Nam nói chung. Trước yêu cầu của toàn cầu hóa và tác động của cuộc cách mạng 4.0, nguồn nhân lực Việt Nam được đánh giá là kém cạnh tranh hơn về trình độ kỹ năng so với một số thị trường khác trong khu vực như Thái Lan, Philippines hay Malaysia. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới (World Bank, 2022), tỷ lệ lao động kỹ năng cao của Việt Nam chỉ đạt 11,6%, tỷ lệ này là quá thấp và không đủ để đáp ứng với tốc độ phát triển của chuyển đổi số cũng như các mục tiêu kinh tế - xã hội khác. Nếu tình hình này không được cải thiện nhanh chóng, khoảng 2 triệu việc làm tại nước ta sẽ bị mất đi vào năm 2045 [11]. Thực tế này đòi hỏi các trường đại học cần trang bị nhiều hơn cho người học những kỹ năng cần thiết để đáp ứng các đòi hỏi của cách mạng 4.0, trong đó, học tập suốt đời là một kỹ năng cốt lõi, giúp sinh

viên đáp ứng yêu cầu thay đổi/chuyển đổi/tiếp nhận công việc mới trong tương lai.

Kết quả khảo sát trên 464 sinh viên các trường trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương và các địa phương lân cận [12] đã chỉ ra những điểm đáng chú ý về kỹ năng học tập suốt đời của sinh viên. Khi đánh giá các năng lực chủ chốt hỗ trợ cho việc học tập suốt đời, sinh viên thể hiện sự tự tin cao ở các năng lực như giao tiếp bằng tiếng mẹ đẻ; Năng lực sáng tạo, bao gồm trí tưởng tượng, tư duy chiến lược và giải quyết vấn đề; Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội; Nhận ra, tôn trọng sự khác biệt và hòa nhập trong môi trường đa văn hóa tôn trọng sự khác biệt và hòa nhập trong môi trường đa văn hoá. Khảo sát được thực hiện bằng thang đo Likert 5 điểm, và các năng lực này đạt giá trị trung bình cụ thể như được trình bày trong Bảng 1.

Bảng 1. Các năng lực chủ chốt mà sinh viên đáp ứng tốt [12]

Các năng lực chủ chốt	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Giao tiếp hiệu quả trong thảo luận, tranh luận trong quá trình học tập và làm việc	3,55	0,90
Năng lực sáng tạo, bao gồm trí tưởng tượng, tư duy chiến lược và giải quyết vấn đề	3,54	0,88
Đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	3,86	0,97
Nhận ra, tôn trọng sự khác biệt và hòa nhập trong môi trường đa văn hóa tôn trọng sự khác biệt và hòa nhập trong môi trường đa văn hoá	3,82	0,95

Kết quả từ Bảng 1 cho thấy, hai yếu tố được đánh giá cao nhất là đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội (3.86/5). Điều này cho thấy sinh viên các trường rất coi trọng các giá trị đạo đức và trách nhiệm trong công việc. Đây là một phẩm chất quan trọng của người lao động trong bối cảnh các doanh nghiệp ngày càng chú trọng đến yếu tố này.

Với điểm trung bình 3.82/5 ở năng lực tôn trọng sự đa dạng về văn hoá, sinh viên các trường đại học thể hiện sự tôn trọng và khả năng hòa nhập tốt trong môi trường đa văn hóa. Đây là một kỹ năng quan trọng trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

Giao tiếp hiệu quả và năng lực sáng tạo là hai yếu tố mà sinh viên Nhà trường đạt điểm trung bình ở mức khá (điểm trung bình trên 3.5/5), cho thấy sinh viên có khả năng giao tiếp tốt trong thảo luận, tranh luận và có tư duy sáng tạo để giải quyết vấn đề.

Tuy nhiên, độ lệch chuẩn của các yếu tố trên còn khá cao, dao động quanh 0.9, cho thấy sự phân tán khá lớn trong kết quả đánh giá. Điều này có nghĩa là năng lực này ở sinh viên còn có sự chênh lệch đáng kể, một bộ phận sinh viên còn yếu về các kỹ năng này.

Kết quả khảo sát cũng cho thấy các năng lực mà sinh viên các trường đại học hiện nay thiếu tự tin nhất đều liên quan đến ngoại ngữ (Bảng 2).

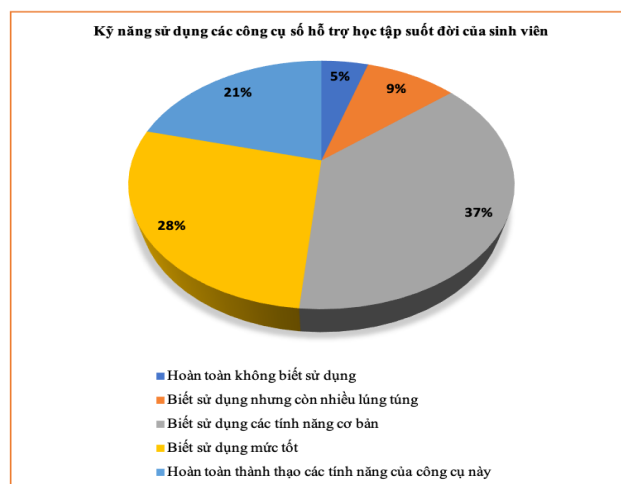
Bảng 2. Các năng lực chủ chốt mà sinh viên cần cải thiện trong tương lai [12]

Các năng lực chủ chốt	Giá trị trung bình	Độ lệch chuẩn
Đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài	2,84	1,02
Viết các báo cáo kỹ thuật hơn 1000 từ bằng tối thiểu một loại tiếng nước ngoài	2,67	1,04

Bảng 2 cho thấy, kỹ năng đọc hiểu và viết báo cáo bằng tiếng nước ngoài của sinh viên nhìn chung chưa đủ mạnh để đáp ứng các yêu cầu cao cấp trong môi trường làm việc quốc tế hoặc nghiên cứu chuyên sâu. Khả năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành bằng tiếng nước ngoài của sinh viên chỉ đạt 2,84/5 điểm. Năng lực viết báo cáo hơn 1000 từ bằng tiếng nước ngoài chỉ đạt mức trung bình (2,67 điểm). Hai năng lực này cũng không giống nhau ở các nhóm sinh viên.

Khi được hỏi, Ngoài chương trình học tại trường (chính quy), bạn còn học thêm khoá học nào khác ở bên ngoài không? thì có đến 46,1% sinh viên trả lời rằng “chưa từng tham gia”. Chỉ có 28,9% sinh viên cho biết “sẽ tham gia” các khoá học để bổ sung kiến thức, kỹ năng trong tương lai. Điều này cho thấy một bộ phận lớn sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc học tập bổ sung để phát triển bản thân, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội và thị trường lao động.

Trong bối cảnh phát triển mạnh mẽ về công nghệ như hiện nay, việc tự học, học tập suốt đời được thực hiện chủ yếu bằng hình thức trực tuyến. Sự xuất hiện ngày càng nhiều công cụ học tập trực tuyến cho phép sinh viên tiếp cận với các khoá học dễ dàng và chi phí rẻ hơn. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cho thấy, kỹ năng sử dụng các công cụ hỗ trợ học tập trực tuyến của sinh viên còn nhiều hạn chế. Có 5% sinh viên được khảo sát cho biết “hoàn toàn không biết cách sử dụng”. Tỷ lệ sinh viên biết sử dụng nhưng còn nhiều lúng túng chiếm phần lớn (21%). Điều này cho thấy nhiều sinh viên chưa thực sự làm chủ các công cụ số, gây khó khăn trong việc học tập (Biểu đồ 1).



Biểu đồ 1. Tỷ lệ thành thạo các công cụ hỗ trợ học tập trực tuyến của sinh viên hiện nay [12]

Thứ tư, xuất phát từ nhu cầu phát triển của mỗi cá nhân. Tự do là tất yếu được nhận thức, tự do là khi con người hiểu rõ và làm chủ được lĩnh vực công việc của mình, bớt phụ thuộc vào người khác. Điều này đòi hỏi con người phải có hiểu biết sâu, rộng về nhiều lĩnh vực. Học tập suốt đời mang lại cho con người hiểu biết toàn diện, mang lại cảm giác hài lòng và niềm đam mê cho con người. Để trở nên mạnh mẽ và quyền lực hơn, người ta cần phải tiếp tục học hỏi những điều mới. Thực tế cũng cho thấy, việc học tập suốt đời làm cho con người trở nên đa năng hơn, làm được nhiều việc có ích và đem lại hạnh phúc cho con người.

Sinh viên các trường đại học hiện nay có một thuận lợi hết sức căn bản, đó là sinh ra và lớn lên ở thời điểm có đủ các công cụ công nghệ thông tin như: Internet, mạng xã hội, điện thoại di động,... với nguồn tài nguyên, thông tin hết sức phong phú và giá rẻ,... một môi trường học tập đa dạng, thuận tiện, bất cứ khi nào và bất cứ đâu,... Nhờ đó, giúp họ hình thành kỹ năng học tập suốt đời nhanh hơn các thế hệ trước đây.

2.3 Giải pháp trang bị kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên các trường đại học hiện nay

Trong bối cảnh phát triển như vũ bão của thông tin, khoa học và công nghệ, vòng đời đổi mới sáng tạo ngày càng rút ngắn, kỹ năng học tập suốt đời để thích nghi với một thế giới không ngừng biến đổi trở nên cần thiết hơn bao giờ hết. Sinh viên phải nhanh chóng hình thành được kỹ năng học và tự học suốt đời trước khi gia nhập thị trường lao động. Một số giải pháp sau đây sẽ góp phần trang bị kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên:

Thứ nhất, các trường đại học cần tiếp tục đổi mới chương trình đào tạo, phương thức tổ chức giảng dạy và phương pháp dạy, học theo hướng linh hoạt.

Theo đó, chương trình đào tạo cần được thiết kế dựa trên cơ sở phân tích nhu cầu của thị trường lao động, dự báo xu hướng phát triển của khoa học công nghệ và yêu cầu của xã hội. Việc đổi mới chương trình đào tạo cần tập trung vào các yếu tố: 1/ Liên tục cập nhật kiến thức, yêu cầu từ thị trường lao động, trực tiếp là yêu cầu từ các doanh nghiệp; 2/ Cung cấp các chương trình đào tạo đa dạng, linh hoạt, đáp ứng nhu cầu của nhiều đối tượng người học. Đặc biệt

là các khoá học bổ sung về kỹ năng mềm cho sinh viên; 3/ Tăng cường các giờ học thực hành, thí nghiệm, trải nghiệm.

Phương thức tổ chức giảng dạy linh hoạt, tăng cường tính tương tác, phát huy tính chủ động của người học. Đa dạng hoá các hình thức học tập linh hoạt, phù hợp với nhu cầu và sở thích của sinh viên, như học tập trực tuyến, học tập kết hợp, học tập từ xa, ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong tổ chức dạy học trực tuyến. Tạo môi trường học tập mở, khuyến khích sinh viên chủ động, sáng tạo và tự chịu trách nhiệm về quá trình học tập của mình.

Phương pháp dạy và học cần được đổi mới theo hướng trao quyền cho người học, khuyến khích tinh thần tự học, tự tìm hiểu, tự đánh giá, tự điều chỉnh, tìm kiếm thông tin, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo, giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian, quản lý cảm xúc, thích ứng với sự thay đổi của sinh viên như dạy học dựa trên vấn đề, dựa trên dự án, làm việc nhóm,...

Việc đổi mới chương trình đào tạo, phương thức tổ chức giảng dạy và phương pháp dạy học là một quá trình liên tục, đòi hỏi sự nỗ lực, tâm huyết của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý và sự tham gia tích cực của sinh viên. Các trường đại học cần hiện đại hoá cơ sở vật chất, hạ tầng số, ứng dụng công nghệ số trong tổ chức các hoạt động dạy, học. Đẩy mạnh chuyển đổi số, số hoá nguồn học liệu để đảm bảo người học có thể tiếp cận mọi lúc, mọi nơi, cá nhân hoá việc học.

Thứ hai, nâng cao năng lực ngoại ngữ cho sinh viên. Kết quả khảo sát cho thấy, bên cạnh những phẩm chất quan trọng mà sinh viên các trường đã đạt được ở mức độ tốt, thì năng lực ngoại ngữ và viết báo cáo bằng ngôn ngữ thứ hai của sinh viên các trường chưa đáp ứng yêu cầu mới. Vì vậy, việc đảm bảo chuẩn về năng lực ngoại ngữ cho sinh viên trước khi tốt nghiệp là nhiệm vụ quan trọng của các trường đại học. Để làm tốt nhiệm vụ này, các trường đại học cần xây dựng quy trình và thực hiện sàng lọc, đánh giá năng lực ngoại ngữ của sinh viên ngay từ năm thứ nhất. Từ đó, thiết kế chương trình giảng dạy ngoại ngữ phù hợp với: 1/ Năng lực của từng nhóm sinh viên; 2/ Theo nhu cầu của các nhóm sinh viên (sinh viên có nhu cầu, mong muốn học ngôn ngữ nào); 3/ Định hướng phát triển ngành nghề của sinh viên trong tương lai (sinh viên mong muốn/dự kiến làm việc trong môi trường nào sau khi tốt nghiệp).

Như đã nói ở trên, phần lớn sinh viên hiện nay được sinh ra, lớn lên và học tập, rèn luyện trong môi trường số. Do đó, phần lớn sinh viên có kỹ năng sử dụng các thiết bị thông minh, kỹ năng ứng dụng các công cụ số vào việc tìm kiếm thông tin phục vụ học tập. Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo (AI) cho phép sinh viên tiếp cận với nhiều khoá học chất lượng với chi phí rẻ trên nhiều nền tảng lớn. Vì vậy, cơ hội học tập là rất lớn với đa số người học. Khó khăn lớn nhất trong việc hình thành kỹ năng học tập suốt đời của sinh viên chính là thái độ trì hoãn, thụ động của sinh viên. Vì vậy, mỗi sinh viên cần xác định việc học tập suốt đời là yêu cầu khách quan và xây dựng một lộ trình học tập khoa học, phù hợp với bối cảnh và hoàn cảnh cá nhân.

Cuối cùng, giáo dục là tạo ra nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp và xã hội. Các doanh nghiệp

cần tích cực tham gia sâu vào quá trình đào tạo của các trường đại học. Sự hiện diện của doanh nghiệp trong các khâu đào tạo (xây dựng chương trình, giảng dạy, đánh giá, tuyển dụng) là minh chứng sinh động, trực tiếp để sinh viên nhận thức việc học tập suốt đời là cần thiết và không thể trì hoãn.

Bên cạnh đó, xã hội cần có sự nhìn nhận, đánh giá công tâm đối với các loại hình giáo dục (chính quy - không chính quy, tập trung - không tập trung, trực tiếp - trực tuyến) và ghi nhận sự đóng góp của người học dựa trên năng lực, đóng góp thực sự của họ cho xã hội.

3. KẾT LUẬN

Trước tác động toàn diện của cuộc cách mạng 4.0, các trường đại học Việt Nam đang chuyển mình mạnh mẽ trong đào tạo nguồn nhân lực bằng cách đổi mới chương trình đào tạo, hướng đến trang bị đầy đủ hơn các năng lực cho người học. Học tập suốt đời là một trong những kỹ năng quan trọng và được thảo luận ngày càng nhiều trên các diễn đàn, đặc biệt là diễn đàn giáo dục, khoa học và công nghệ. Các báo cáo quốc tế cũng đã nêu bật rằng, học tập suốt đời là kỹ năng giúp người học duy trì khả năng thích ứng với sự thay đổi nhanh chóng của công nghệ và xã hội. Đối với các trường đại học tại Việt Nam, việc trang bị kỹ năng học tập suốt đời cho sinh viên là nhiệm vụ cấp thiết, đáp ứng yêu cầu phát triển của xã hội hiện đại và những thách thức mà Cách mạng công nghiệp 4.0 mang lại.

Thực tế, kết quả khảo sát cho thấy mặc dù sinh viên có những năng lực cần thiết như giao tiếp, sáng tạo, đạo đức nghề nghiệp và tôn trọng sự đa dạng văn hóa, nhưng vẫn còn tồn tại những hạn chế trong các kỹ năng quan trọng như ngoại ngữ và khả năng tự học. Điều này đòi hỏi các trường đại học phải thực hiện các giải pháp như đổi mới chương trình đào tạo, phương thức giảng dạy, và tạo ra môi trường học tập khuyến khích tinh thần tự học và sáng tạo của sinh viên. Đồng thời, việc tăng cường đào tạo ngoại ngữ, đặc biệt là khả năng đọc hiểu và viết báo cáo bằng ngôn ngữ thứ hai, là một yêu cầu không thể thiếu trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của sinh viên trên thị trường lao động quốc tế.

Để đạt được mục tiêu này, cần phải có một hệ thống giải pháp đồng bộ. Trong phạm vi bài báo, các giải pháp được đề xuất có ý nghĩa thực tiễn và tạo ra các tác động trực tiếp, bao gồm nhà trường (lãnh đạo, quản lý, giảng viên) – sinh viên – doanh nghiệp và xã hội.

4. TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] OECD, “ OECD Economic Surveys: Viet Nam 2023”. Paris, **2023**.
- [2] ILO, “Đổi mới động lực tăng trưởng năng suất ở Việt Nam - Vai trò của các thể chế và chính sách thị trường lao động”, Geneva, **2023**.
- [3] WEF, “Future of Jobs Report 2025”, Geneva, **2025**.
- [4] Thủ tướng Chính phủ, “Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 – 2030””. Hà Nội, 2021.
- [5] Dinevski, D. Open educational resources and lifelong learning. In ITI 2008-30th International Conference on Information Technology Interfaces. 2008, pp. 117-122.

[6] Official Journal of the European Union, 2010 joint progress report of the Council and the Commission on the implementation of the “Education and Training 2010” work programme, *Official Journal C/117*, **2010**.

[7] European Communities, Key Competences for Lifelong Learning”. A European framework, **2007**.

[8] Hồ Chí Minh, Toàn tập, tập 5,12,15. Nxb. Chính trị quốc gia Sự thật, **2011**.

[9] Đảng cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, tập 1, Chính trị quốc gia Sự thật, **2021**.

[10] Mwaikokesya, M.J.D, Osborne, M. & Houston, M. “Mapping Lifelong Learning Attributes in the Context of Higher Education Institutions”. *Journal of Adult and Continuing Education*, **2014**.

[11] Thuỳ Liên. Chỉ 11,6% đạt trình độ kỹ năng cao, lao động Việt Nam nguy cơ mất 2 triệu việc làm. Báo Đầu tư Online. **2022**. Link truy cập: <https://baodautu.vn/chi-116-dat-trinh-do-ky-nang-cao-lao-dong-viet-nam-nguy-co-mat-2-trieu-viec-lam-d177416.html>

[12] Ngô Thị Huyền, Khảo sát mức độ đáp ứng năng lực học tập suốt đời của sinh viên một số trường đại học, 01 **2025**. Available: <https://forms.gle/j1siLer3epwo4L6f8>